

**Phụ lục IV**  
**Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm các Tiêu chí, Tiêu chí thành phần xác định Chỉ số cải cách hành chính**  
**Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh**  
*(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC&VTLT ngày /11/2022 của Sở Nội vụ)*

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch Cải cách hành chính năm</b>	<p>- Yêu cầu: Nội dung kế hoạch phải xác định đầy đủ các nội dung CCHC theo quy định hiện hành; Nhiệm vụ CCHC phải có tính đột phá, đổi mới qua từng năm; Kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm và kinh phí thực hiện kế hoạch.</p> <p>Thời hạn ban hành: chậm nhất vào ngày 25/01 của năm kế hoạch. Trong trường hợp Kế hoạch CCHC năm 2021 của bộ, ngành chủ quản ban hành sau Kế hoạch CCHC của tỉnh thì các cơ quan Trung ương ban hành Kế hoạch CCHC năm 2021 chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Kế hoạch CCHC năm 2021 của bộ ngành chủ quản ban hành.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Ban hành Kế hoạch đầy đủ nội dung, chất lượng, đúng thời gian quy định: 0,5 điểm</p> <p>+ Ban hành Kế hoạch đúng thời gian nhưng không đầy đủ nội dung theo quy định: 0,25 điểm.</p> <p>+ Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành Kế hoạch không đầy đủ nội dung, không đúng thời gian quy định: 0 điểm.</p>	Kế hoạch CCHC năm của đơn vị
<b>1.2</b>	<b>Mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực/nội dung theo Bộ Tiêu chí</b>	<p>Tính tỷ lệ % hoàn thành nhiệm vụ CCHC của đơn vị bằng cách: (Tổng điểm thẩm định của 4 lĩnh vực/Tổng điểm tối đa của 4 lĩnh vực)*100%.</p> <p>Trong đó: Tổng điểm đánh giá của 4 lĩnh vực được tính từ Lĩnh vực 1 (Chỉ đạo điều hành CCHC) đến lĩnh vực 4 (Xây dựng, phát triển chính quyền</p>	<p>- Kế hoạch CCHC năm;</p> <p>- Báo cáo CCHC năm;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>điện tử, chính quyền số) trong Bộ tiêu chí. Riêng lĩnh vực 1 cộng điểm từ tiêu chí 1.1 đến tiêu chí 1.9 trừ tiêu chí 1.2).</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Hoàn thành từ 70% -100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>a*1/100\%</math>, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành.</p> <p>+ Hoàn thành dưới 70%: 0 điểm.</p> <p><b><u>Ví dụ:</u></b> Đơn vị có:</p> <p>- Điểm đánh giá Lĩnh vực 1 là 8 điểm, Lĩnh vực 2 là 7 điểm; Lĩnh vực 3 là 9 điểm; Lĩnh vực 4 là 11 điểm. (Lúc này chưa có điểm tại tiêu chí 1.2).</p> <p>- Điểm tối đa của 04 lĩnh vực (LV1 đến LV4, trong đó đã trừ đi điểm tối đa của tiêu chí 1.2): <math>40 - 1,0 = 39</math> điểm</p> <p>- Tỷ lệ % hoàn thành nhiệm vụ CCHC của đơn vị là: <math>(8+7+9+11)/39*100\% = 89,74\%</math></p> <p>- Số điểm đạt được của đơn vị là: <math>(89,74\%*1,0)/100\% = 0,90</math> điểm.</p>	
1.3	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về CCHC (04 báo cáo gồm: 02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng, 01 báo cáo năm)	<p>- Yêu cầu: Báo cáo CCHC đảm bảo theo quy định hiện hành về chế độ báo cáo CCHC của tỉnh.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Báo cáo đầy đủ số lượng, chính xác về số liệu, nội dung và thời hạn theo quy định: 1 điểm</p> <p>+ Báo cáo không đầy đủ, chính xác một trong các yêu cầu về số liệu, số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm</p> <p>* Thời gian gửi báo cáo tính theo thời gian gửi trên phần mềm hồ sơ công việc</p>	Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm.
1.4	Công tác kiểm tra CCHC		

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1.4.1	<b>Thực hiện tự kiểm tra định kỳ công tác CCHC tại các phòng, ban (tương đương), đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc (gọi tắt là các đơn vị trực thuộc):</b>		Kế hoạch Kiểm tra/lich Kiểm tra; Thông báo/Báo cáo kết quả kiểm tra; Biên bản làm việc tại các đơn vị và các tài liệu liên quan
1.4.1.1	<b>Đối với các cơ quan có dưới 10 đơn vị trực thuộc</b>	Tự kiểm tra từ 70% -100% đơn vị trực thuộc: 1 điểm Tự kiểm tra từ 50% - dưới 70% đơn vị trực thuộc: 0,5 điểm Tự kiểm tra dưới 50% số đơn vị trực thuộc: 0 điểm	
1.4.1.2	<b>Đối với các cơ quan có từ 10 đến dưới 20 đơn vị trực thuộc</b>	Tự kiểm tra từ 60% -100% đơn vị trực thuộc: 1 điểm Tự kiểm tra từ 30% - dưới 60% đơn vị trực thuộc: 0,5 điểm Tự kiểm tra dưới 30% số đơn vị trực thuộc: 0 điểm	
1.4.1.3	<b>Đối với các cơ quan có từ 20 đơn vị trực thuộc trở lên</b>	Tự kiểm tra từ 35% -100% đơn vị trực thuộc: 1 điểm Tự kiểm tra từ 20% - dưới 35% đơn vị trực thuộc: 0,5 điểm Tự kiểm tra dưới 20% số đơn vị trực thuộc: 0 điểm	
1.4.2	<b>Xử lý, khắc phục các vấn đề phát hiện qua kiểm tra</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trong Báo cáo kết quả kiểm tra, báo cáo khắc phục:</li> <li>+ Tên và tổng số vấn đề phải xử lý (a)</li> <li>+ Tên và số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý (b)</li> <li>+ Tên và số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c)</li> <li>- Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a) * 1 + (c/a)*0.5</math></li> <li>- Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau kiểm tra (<math>a = 0</math>) thì điểm đánh giá là 1.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo/Báo cáo Kết quả kiểm tra.</li> <li>- Biên bản làm việc tại các đơn vị và các tài liệu liên quan;</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế của các đơn vị sau khi được kiểm tra CCHC.</li> </ul>
1.5	<b>Kết quả khắc phục tồn tại hạn chế trong thực hiện CCHC do cấp trên chỉ ra sau các đợt kiểm tra và sau khi có kết quả xếp loại Chỉ số CCHC của tỉnh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trong Báo cáo kết quả khắc phục:</li> <li>+ Tên và tổng số vấn đề tồn tại, hạn chế phải khắc phục (a)</li> <li>+ Tên và số vấn đề tồn tại, hạn chế đã hoàn thành việc khắc phục (b)</li> <li>+ Tên và số vấn đề tồn tại, hạn chế đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành (c)</li> <li>- Trường hợp có vấn đề tồn tại hạn chế phải khắc phục thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a)*1 + (c/a)*0.5</math></li> <li>- Trường hợp không có vấn đề phải khắc phục (<math>a = 0</math>) thì điểm đánh giá là 1.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch/Văn bản chỉ đạo khắc phục.</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau các đợt kiểm tra; sau khi có kết quả xếp loại chỉ số CCHC của tỉnh (kèm theo Bảng thống kê</li> </ul>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			tên, số lượng tất cả các vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra và hoàn thành việc khắc phục/chưa hoàn thành việc khắc phục).
<b>1.6</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>		
<b>1.6.1</b>	<b>Kế hoạch tuyên truyền CCHC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu:</li> <li>+ Nội dung Kế hoạch phải đầy đủ, chi tiết, đáp ứng nội dung và hình thức tuyên truyền theo định hướng của tỉnh, có bố trí kinh phí triển khai công tác tuyên truyền CCHC.</li> <li>+ Ban hành Kế hoạch đảm bảo thời gian, chậm nhất 31/01 của năm kế hoạch.</li> <li>+ Kết quả tuyên truyền CCHC phải thể hiện đầy đủ trong báo cáo định kỳ (Quý, 6 tháng, năm) của đơn vị về CCHC và có tài liệu kiểm chứng.</li> <li>- Nếu kế hoạch tuyên truyền CCHC đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành nêu trên thì điểm đánh giá là 0,25 điểm; Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch không đảm bảo thời gian, không đầy đủ nội dung: 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch CCHC năm;</li> <li>- Nội dung báo cáo kết quả tuyên truyền CCHC định kỳ 6 tháng, năm.</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> </ul>
<b>1.6.2</b>	<b>Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (bao gồm một trong các hình thức: các đài phát thanh, đài truyền hình, báo in, báo điện tử và trang/cổng thông tin điện tử): 0,25. Nếu không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> <li>- Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác (thông qua các hội nghị tập huấn chuyên đề CCHC, các cuộc họp giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết, tọa đàm về CCHC; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác): 0,5 điểm. Nếu không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản, thông báo kết luận các cuộc họp;</li> <li>- Các tin, bài tuyên truyền trên Cổng (Trang) thông tin điện tử của đơn vị;</li> <li>- Các hợp đồng tuyên truyền trên Đài PTTH tỉnh hoặc các cơ quan báo chí (nếu có);</li> <li>- Tài liệu tổ chức cuộc thi</li> </ul>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			hoặc các tài liệu kiểm chứng khác.
1.7	Sáng kiến/giải pháp mới trong cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC phải đáp ứng các yêu cầu sau:</li> <li>+ Đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương, theo đó được Trung ương đánh giá có điểm đối với tiêu chí này khi đánh giá Chỉ số CCHC của tỉnh (năm trước liền kề) hoặc được cấp có thẩm quyền thuộc tỉnh phê duyệt, công nhận sáng kiến/đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến (năm trước liền kề hoặc trong năm đánh giá).</li> <li>+ Sáng kiến hoặc giải pháp mới thuộc một trong các nội dung/lĩnh vực CCHC ((1)Chỉ đạo điều hành về CCHC, (2) cải cách thể chế, (3) cải cách thủ tục hành chính, (4) cải cách tổ chức bộ máy, (5) cải cách chế độ công vụ, (6) cải cách tài chính công,(7) xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số)</li> <li>+ Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi đơn vị hoặc tỉnh;</li> <li>+ Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của đơn vị hoặc của tỉnh.</li> <li>- Cách thức chấm điểm:</li> <li>+ Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC (năm trước liền kề) đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương: 1,5 điểm</li> <li>+ Có từ 2 sáng kiến, giải pháp mới về CCHC (năm trước liền kề) được cấp có thẩm quyền công nhận và được UBND tỉnh (hoặc Bộ, ngành Trung ương) đánh giá, công nhận về hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh (hoặc trong toàn ngành, lĩnh vực do Bộ, ngành Trung ương quản lý) nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương: 1,25 điểm;</li> <li>+ Có 1 sáng kiến, giải pháp mới về CCHC (năm trước liền kề) được cấp có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản chỉ đạo, phê duyệt, tổ chức thực hiện triển khai các sáng kiến, giải pháp mới thuộc một trong các nội dung/lĩnh vực CCHC.</li> <li>- Các văn bản công nhận sáng kiến, giải pháp mới về CCHC của cơ quan có thẩm quyền và văn bản công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp mới về CCHC.</li> <li>- Bản thuyết minh sáng kiến, giải pháp mới về CCHC, trong đó nêu rõ: sáng kiến thuộc nội dung/lĩnh vực CCHC nào? Tính mới, tính hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến, giải pháp mới.</li> <li>- TLKC khác nếu có.</li> </ul>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>thẩm quyền công nhận và được UBND tỉnh (hoặc Bộ, ngành Trung ương) đánh giá, công nhận về hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh (hoặc trong toàn ngành, lĩnh vực do Bộ, ngành Trung ương quản lý) nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương: 1 điểm</p> <p>+ Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC cấp cơ sở (trong năm đánh giá): 0,5 điểm</p> <p>+ Không có sáng kiến, giải pháp mới thuộc các trường hợp trên: 0 điểm</p> <p><i>* Trong trường hợp có nhiều sáng kiến ở nhiều cấp thì chỉ tính điểm cao nhất trong các mức điểm nêu trên; Trường hợp sáng kiến (ở cấp tương ứng) đã được tính điểm cho đơn vị trong xác định Chỉ số CCHC năm trước liền kề thì không được tính điểm trong năm đánh giá đối với sáng kiến ở cấp đó và cấp thấp hơn.</i></p> <p><i>* Về công nhận sáng kiến: căn cứ quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. (Năm 2022: Sở Khoa học công nghệ đã ban hành hướng dẫn cụ thể tại Văn bản số 1698/SKHCN-CN ngày 25/10/2022; Ban Thi đua khen thưởng tỉnh đã hướng dẫn cụ thể tại Văn bản số 422/BTĐKT-NV ngày 05/10/2022)</i></p> <p><i>* Về công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến: căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 1 Điều 6 Thông tư 12/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. (Năm 2022, Ban Thi đua khen thưởng tỉnh đã hướng dẫn cụ thể tại Văn bản số 422/BTĐKT-NV ngày 05/10/2022).</i></p>	
1.8	<b>Thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>	<p>- Yêu cầu: Thống kê kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND/Chủ tịch UBND tỉnh giao (số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn/tổng số nhiệm vụ được giao)</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>- Hoàn thành đúng tiến độ từ 90% - dưới 100% số nhiệm vụ được giao trong năm thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>a \cdot 2 / 100\%</math>, trong đó a là tỷ</p>	<p>- Thống kê kết quả thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao</p> <p>- Kết quả theo dõi trên</p>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>lệ % hoàn thành.</p> <p>- Hoàn thành đúng tiến độ từ 80% - dưới 90% số nhiệm vụ được giao trong năm thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>a \cdot 1,5/90\%</math>, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành.</p> <p>- Hoàn thành từ 60% - dưới 80% số nhiệm vụ được giao theo tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>a \cdot 1,0/80\%</math>, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành.</p> <p>- Hoàn thành dưới 60% số nhiệm vụ được giao theo tiến độ hoặc hoàn thành nhiệm vụ nhưng chậm tiến độ: 0 điểm.</p>	phần mềm ý kiến chỉ đạo và các văn bản liên quan
<b>1.9</b>	<b>Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ do Trung ương, tỉnh chỉ ra</b>		
<b>1.9.1</b>	<b>Trong năm KHÔNG CÓ văn bản phê bình của cấp trên</b>	<p>- Yêu cầu: Thống kê các văn bản phê bình của cấp trên (nếu có).</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Trong năm KHÔNG CÓ văn bản phê bình của cấp trên: 0,25 điểm.</p> <p>+ Trong năm CÓ văn bản phê bình của cấp trên: 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc thống kê các văn bản phê bình của cấp trên trong năm (nếu có);</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>
<b>1.9.2</b>	<b>Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ, công chức thuộc đơn vị bị kiểm điểm, xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật (do cấp trên chỉ ra)</b>	<p>- Yêu cầu: Thống kê cán bộ, công chức thuộc đơn vị bị kiểm điểm, xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật (do cấp trên chỉ ra).</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ, công chức thuộc đơn vị bị kiểm điểm, xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật (do cấp trên chỉ ra): 0,5 điểm.</p> <p>+ Trong năm CÓ cán bộ, công chức thuộc đơn vị bị kiểm điểm, xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật (do cấp trên chỉ ra): 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc thống kê cán bộ, công chức thuộc đơn vị bị kiểm điểm, xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật do cấp trên chỉ ra (nếu có);</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>
<b>1.9.3</b>	<b>Thực hiện quy định về văn hóa công vụ tại đơn vị</b>	<p>- Yêu cầu: Cán bộ, công chức của đơn vị thực hiện đúng các nội dung quy định tại Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; các quy định của Trung ương về văn hóa công vụ và quy định về văn hóa công vụ tại đơn vị.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo việc thực hiện văn hóa công vụ của đơn vị trong năm;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		+ Thực hiện đúng quy định: 0,25 điểm. + Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm.	
<b>2</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>		
<b>2.1.1</b>	<b>Mức độ hoàn thành tham mưu xây dựng văn bản QPPL</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Xác định có bao nhiêu nghị quyết và quyết định của HĐND và UBND phải được ban hành trong năm.</li> <li>+ Nếu hoàn thành 100% thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</li> <li>+ Nếu hoàn thành dưới 100 % thì điểm đánh giá là 0 điểm</li> <li>- Nếu trong năm không được giao tham mưu ban hành thì không chấm điểm; không tính cả tử và mẫu số</li> </ul> <p>Những văn bản chưa ban hành do yếu tố khách quan, đề nghị có giải trình lý do từng trường hợp cụ thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết, Quyết định đã được ban hành</li> <li>Hoặc</li> <li>- Dự thảo văn bản QPPL trình UBND tỉnh</li> </ul>
<b>2.1.2.1</b>	<b>Chất lượng dự thảo văn bản QPPL gửi đến thẩm định</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Đối với dự thảo văn bản được gửi đến thẩm định phải đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi</li> <li>+ Nếu 100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</li> <li>+ Nếu dưới 100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> <li>- Nếu trong năm không được giao tham mưu ban hành thì không chấm điểm; không tính cả tử và mẫu số</li> </ul>	Dự thảo văn bản QPPL được gửi thẩm định;
<b>2.1.2.2</b>	<b>Chất lượng văn bản QPPL sau khi ban hành</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đối với văn bản đã ban hành phải đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi.</li> <li>+ Nếu 100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</li> <li>+ Nếu dưới 100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> <li>- Nếu trong năm không được giao tham mưu ban hành thì không chấm điểm; không tính cả tử và mẫu số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả tự kiểm tra của Sở Tư pháp</li> <li>- Kết quả kiểm tra của cơ quan trung ương</li> </ul>
<b>2.1.3</b>	<b>Thực hiện quy trình xây dựng và ban hành VBQPPL</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Lập danh mục các văn bản do cơ quan tham mưu được ban hành trong năm.</li> <li>+ Nếu 100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</li> </ul>	- Hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản



TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu dưới 100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi thì điểm đánh giá là 0 điểm.</li> <li>- Nếu trong năm không được giao tham mưu ban hành thì không chấm điểm; không tính cả tử và mẫu số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả tự kiểm tra của Sở Tư pháp</li> <li>- Kết quả kiểm tra của cơ quan trung ương</li> </ul>
2.1.4	<b>Công tác tham gia góp ý các dự thảo văn bản được lấy ý kiến</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với văn bản được góp ý yêu cầu: Lập danh mục tất cả các văn bản được lấy ý kiến và các văn bản đơn vị tham gia góp ý kiến.</li> <li>+ Nếu từ 90% đến 100% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý chất lượng thì điểm đánh giá là 1 điểm.</li> <li>+ Nếu từ 80% đến dưới 90% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý chất lượng thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</li> <li>+ Nếu dưới 80% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý chất lượng thì điểm đánh giá là 0 điểm</li> </ul>	Văn bản góp ý
2.2.1	<b>Tham mưu xử lý kết quả sau khi kiểm tra theo kiến nghị cơ quan có</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu lập danh mục văn bản phải tham mưu xử lý sau kiểm tra.</li> <li>- Thống kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý (a)</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý (b)</li> <li>+ Số văn bản đã tham mưu xử lý nhưng chưa có kết quả xử lý (c).</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a) * 0,5 + (c/a) * 0,25</math></li> <li>- Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</li> </ul>	Báo cáo kết quả xử lý hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế hoặc công bố hết hiệu lực
2.2.2.1	<b>Thực hiện rà soát văn bản QPPL để công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản của tỉnh sau khi ban hành phải được lập danh mục để thực hiện rà soát, xác định văn bản hết hiệu lực, hết hiệu lực một phần, văn bản sửa đổi, bổ sung.</li> <li>+ Tổ chức thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian thì điểm đánh giá là 0,25 điểm</li> <li>+ Thực hiện không đầy đủ hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời gian quy định hoặc không tổ chức thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục văn bản đưa vào rà soát</li> <li>- Danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần.</li> <li>- Báo cáo kết quả rà soát</li> </ul>
2.2.2.2	<b>Thực hiện rà soát văn bản QPPL ngay sau khi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu các văn bản sau khi có căn cứ hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên phải được lập danh mục để thực hiện rà soát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục văn bản đưa vào rà soát</li> </ul>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	<b>có căn cứ hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên</b>	+ Thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng thì điểm đánh giá là 0,25 điểm + Thực hiện không đầy đủ, kịp thời hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không tổ chức thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm	- Báo cáo kết quả rà soát
<b>2.2.2.3</b>	<b>Tham mưu xử lý kết quả sau rà soát</b>	- Sau khi rà soát các văn bản không còn phù hợp phải được thay thế, sửa đổi, bổ sung bãi bỏ hoặc công bố hết hiệu lực theo quy định + Thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng thì điểm đánh giá là 0,25 điểm + Thực hiện không đầy đủ hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không tổ chức thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm - Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá là 0,25 điểm	Các văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung
<b>2.3.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện các văn bản QPPL mới ban hành</b>	- Yêu cầu các văn bản QPPL thuộc ngành lĩnh vực quản lý sau khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành phải được tổ chức thực hiện + Tổ chức thực hiện kịp thời 100% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 0,5 điểm + Tổ chức thực hiện kịp thời 80% đến dưới 100% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 0,25 điểm + Tổ chức thực hiện kịp thời dưới 80% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 0 điểm	Triển khai bằng hình thức công văn, Hội nghị, gửi văn bản trên hệ thống...
<b>2.3.2.1.1</b>	<b>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật</b>	- Thu thập đầy đủ thông tin về thi hành pháp luật thì điểm đánh giá là 0,5 điểm - Trường hợp có thông tin mà không thu thập đầy đủ thì điểm đánh giá là 0 điểm - Trường hợp không có thông tin để thu thập thì điểm đánh giá là 0,5 điểm	Kết quả thu thập thông tin
<b>2.3.2.1.2</b>	<b>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</b>	Thực hiện đầy đủ hoạt động kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật trong năm của đơn vị, địa phương - Tổ chức kiểm tra thì điểm đánh giá là 0,5 điểm - Theo dõi kết quả xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 0,5 điểm - Không thực hiện kiểm tra thì điểm đánh giá là 0 điểm	- Kế hoạch kiểm tra, Báo cáo kết quả kiểm tra. - Báo cáo kết quả sau kiểm tra hoặc Văn bản khác thể hiện việc xử lý kết quả sau kiểm tra

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
2.3.2.1.3	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	Thực hiện điều tra, khảo sát thì điểm đánh giá là 0,5 điểm Không thực hiện thì đánh giá là 0 điểm. Trường hợp không được lấy ý kiến khảo sát thì không chấm điểm tiêu chí này; không tính cả tử và mẫu số.	Phiếu điều tra, khảo sát
2.3.2.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	- Yêu cầu: Nếu có thông tin về thi hành pháp luật hoặc quá trình kiểm tra phát hiện các sai sót trong tổ chức thi hành pháp luật thì phải được xử lý Thống kê: + Tổng số văn bản cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý (a) + Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử (b) + Số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng chưa hoàn thành (c) - Điểm được đánh giá theo công thức: $(b/a) \times 0,75 + (c/a) \times 0,5$ - Trường hợp qua theo dõi không có vấn đề sai sót cần phải xử lý thì điểm đánh giá là 0,75 điểm	- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; - Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.
3	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>		
3.1	Niêm yết, công khai TTHC tại Bộ phận Một cửa; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có)	- Yêu cầu: tính tỷ lệ % số lượng TTHC niêm yết tại Bộ phận Một cửa; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có). - Cách thức chấm điểm: + 100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định: 1 điểm + Từ 95% - dưới 100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0,5 điểm + Dưới 95% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0 điểm	- Báo cáo Kiểm soát TTHC của đơn vị; - Kiểm tra việc niêm yết, công khai tại Bộ phận một cửa; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị <del>(nếu có)</del> .
3.2.1	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn, chậm giải quyết hồ sơ TTHC (nếu không có sai sót, trễ hẹn thì đạt điểm tối đa của tiêu chí)	- Yêu cầu: tính tỷ lệ % số hồ sơ TTHC bị trễ hẹn, chậm giải quyết có Văn bản xin lỗi so với tổng số hồ sơ TTHC bị trễ hẹn, chậm giải quyết. - Cách thức chấm điểm: + 100% số hồ sơ TTHC bị trễ hẹn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 1 điểm + Dưới 100% số hồ sơ TTHC bị trễ hẹn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 0 điểm	- Báo cáo Kiểm soát TTHC của đơn vị. - Kết quả theo dõi trên Cổng DVC. - Các văn bản xin lỗi tương ứng với hồ sơ trễ hẹn, chậm giải quyết

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			TTHC trong năm.
3.2.2	<b>Thực hiện việc đánh giá lấy ý kiến sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đã giải quyết TTHC theo quy định</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: kiểm tra trực tiếp việc thực hiện lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại bộ phận Một cửa.</li> <li>- Cách thức chấm điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Triển khai các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của hệ thống thông tin một cửa điện tử) để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa; có đầy đủ tài liệu kiểm chứng: 1 điểm</li> <li>+ Có triển khai thực hiện nhưng chưa đảm bảo quy định, chưa đầy đủ tài liệu kiểm chứng: 0,5 điểm</li> <li>+ Không triển khai các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của hệ thống thông tin một cửa điện tử) để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa: 0 điểm.</li> </ul> </li> <li>Lưu ý: Đánh giá đối với một trong các cách thức thức đơn vị triển khai lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại đơn vị.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản triển khai và Báo cáo kết quả thực hiện lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng (có thể lồng ghép trong Báo cáo CCHC của đơn vị), phiếu khảo sát (nếu lấy ý kiến khảo sát trực tiếp).</li> <li>- Kết quả theo dõi tại bộ phận Một cửa của đơn vị.</li> </ul>
3.3	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: tính tỷ lệ % số lượng hồ sơ TTHC do đơn vị tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn trên tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm</li> <li>- Cách thức chấm điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 98% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>a \cdot 2 / 100\%</math>, trong đó a là tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn.</li> <li>+ Từ 95% - đến dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>a \cdot 1 / 100\%</math>, trong đó a là tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn.</li> <li>+ Dưới 95% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn: 0 điểm</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Kiểm soát TTHC của đơn vị.</li> <li>- Kiểm tra thực tế tại đơn vị</li> <li>- Kiểm tra trên mạng nội bộ của đơn vị</li> </ul>
3.4.1	<b>Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu:</li> </ul>	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của đơn vị

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC (Kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch kiểm soát TTHC nhưng phải có phụ lục riêng về rà soát, đánh giá TTHC).</li> <li>+ Thời gian ban hành Kế hoạch theo đúng quy định tại Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của UBND tỉnh.</li> <li>- Cách thức chấm điểm:</li> <li>+ Ban hành Kế hoạch đúng quy định (chất lượng, sản phẩm, thời gian, có TTHC cụ thể đưa vào rà soát): 0,5 điểm</li> <li>+ Ban hành Kế hoạch không đúng quy định (chất lượng, sản phẩm, thời gian, có TTHC cụ thể đưa vào rà soát): 0,25 điểm</li> <li>+ Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm.</li> </ul>	hoặc Kế hoạch KSTT nhưng có phụ lục rà soát riêng
3.4.2	<b>Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tại cơ quan, đơn vị</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có văn bản, hồ sơ, tài liệu để chứng minh việc thực hiện tổ chức rà soát, đánh giá TTHC: 0,5 điểm</li> <li>- Không có văn bản, tài liệu để chứng minh được việc tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá TTHC: 0 điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Báo cáo rà soát, đánh giá TTHC trong năm của đơn vị.</li> <li>- Văn bản triển khai, thực hiện điền biểu mẫu.</li> </ul>
3.4.3	<b>Kết quả thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có báo cáo phát hiện các quy định trong TTHC còn bất cập, chồng chéo và đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, gửi cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định: 0,5 điểm</li> <li>- Có báo cáo đã thực hiện rà soát, đánh giá TTHC nhưng không phát hiện các quy định trong TTHC còn bất cập, chồng chéo (theo đó không đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC) gửi cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định: 0,25 điểm</li> <li>- Không có báo cáo rà soát, đánh giá TTHC gửi cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi không theo đúng thời gian quy định: 0 điểm</li> </ul>	- Báo cáo rà soát, đánh giá TTHC, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC (nếu có) gửi cơ quan có thẩm quyền.
3.5.1	<b>Niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: kiểm tra trực tiếp việc niêm yết công khai Địa chỉ tiếp nhận PAKN; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị.</li> <li>- Cách thức chấm điểm:</li> <li>+ Thực hiện niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN đúng quy định: 1</li> </ul>	Địa chỉ tiếp nhận PAKN của đơn vị.


TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		điểm + Có niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN nhưng không đúng quy định: 0,5 điểm + Không thực hiện niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN: 0 điểm * Trường hợp đơn vị không có Cổng/Trang thông tin điện tử riêng thì không chấm điểm tiêu chí này (không tính tử số và mẫu số)	
3.5.2	<b>Thực hiện tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý PAKN Chính phủ.</b>	- Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý đúng thời gian quy định: 1 điểm - Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý quá thời gian quy định: 0,5 điểm - Phản ánh, kiến nghị không xử lý: 0 điểm * Nếu cơ quan, đơn vị không có PAKN thì chấm điểm tối đa tiêu chí này	Các Văn bản xử lý PAKN của đơn vị (nếu có)
3.6	<b>Báo cáo định kỳ quý, năm và đột xuất về kiểm soát TTHC</b>	- Yêu cầu: + Báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo đúng mẫu, các phụ lục quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP. + Thời hạn gửi báo cáo thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP. + Báo cáo gửi qua phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc- Cách thức chấm điểm: + Báo cáo đầy đủ và đúng quy định về thời gian, nội dung và các biểu mẫu: 1 điểm + Có báo cáo nhưng quá thời gian quy định hoặc nội dung và các biểu mẫu báo cáo không đầy đủ: 0,5 điểm + Không có báo cáo: 0 điểm	Báo cáo Kiểm soát TTHC của đơn vị
<b>4</b>	<b>XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>		
<b>4.1</b>	<b>Chuyển đổi số, phát triển chính quyền số của cơ quan, đơn vị</b>		
<b>4.1.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan, đơn vị</b>		
4.1.1.1	<b>Tỷ lệ tác nghiệp trên văn bản số (điện tử)</b>	Tỷ lệ văn bản được tác nghiệp trực tuyến trong nội bộ cơ quan, cách tính tỷ lệ cụ thể như sau:	- Báo cáo ứng dụng CNTT, xây dựng Chính

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	<b>trong nội bộ cơ quan (trừ Văn bản Mật)</b>	<p>Tỷ lệ = <math>a/b \times 100\%</math>, trong đó:  a = Số văn bản được trao đổi, tác nghiệp trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của đơn vị (TD-Office);  b = Tổng số văn bản đi của đơn vị.  Không tính các văn bản mật.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:  + 100% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 1;  + 90% đến dưới 100% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 0,5;  + 80% đến dưới 90% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 0,25;  + Dưới 80% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 0.</p>	<p>quyền số của cơ quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan.</li> <li>- Số liệu trên phần mềm.</li> </ul>
4.1.1.2	<b>Tỷ lệ văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số (văn bản điện tử) gửi đến các cơ quan, đơn vị (trừ Văn bản Mật)</b>	<p>Tỷ lệ văn bản đi được ký số và ban hành văn bản dưới dạng điện số, cách tính tỷ lệ cụ thể như sau:  Tỷ lệ = <math>a/b \times 100\%</math>, trong đó:  a = Số văn bản đi được ký số và gửi trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của đơn vị (TD-Office);  b = Tổng số văn bản đi của đơn vị.  Không tính các văn bản mật.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:  + 100% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số đúng quy định: 1;  + 90% - dưới 100% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số (điện tử) đúng quy định: 0,5;  + 80% - dưới 90% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số đúng quy định: 0,25;  + Dưới 80% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số đúng quy định: 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số của cơ quan.</li> <li>- Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan.</li> <li>- Số liệu trên phần mềm.</li> </ul>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
4.1.1.3	<b>Cổng thông tin điện tử của đơn vị</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Chấm điểm việc xây dựng và vận hành Cổng thông tin điện tử của đơn vị.</li> <li>- Cách thức chấm điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn vị có Cổng TTĐT: 1.5 điểm;</li> <li>+ Đơn vị chưa có Cổng TTĐT: 0 điểm.</li> </ul> </li> </ul>	Cổng/Trang TTĐT của đơn vị
4.1.1.4	<b>Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về kết quả ứng dụng CNTT (2 báo cáo).</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có đầy đủ báo cáo đúng thời gian, bảo đảm chất lượng.</li> <li>- Cách thức chấm điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đảm bảo quy định (thời gian và nội dung): 0,5;</li> <li>+ Không đảm bảo quy định (thời gian và nội dung): 0.</li> </ul> </li> </ul>	- Báo cáo định kỳ về ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số của cơ quan.
<b>4.1.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>		
4.1.2.1	<b>Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia</b>	<p>Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình (DVC TT mức 4) được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia, cách tính tỷ lệ cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ = <math>(x/y * 100\%)</math>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>x = Số dịch vụ công trực tuyến toàn trình (DVCTT mức 4) được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia.</li> <li>y = Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình (DVCTT mức 4)</li> </ul> </li> <li>- Cách thức chấm điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 100% DVC TT toàn trình đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: 1 điểm</li> <li>+ 90%- dưới 100% DVC TT toàn trình đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: 0,75 điểm</li> <li>+ 80%- dưới 90% DVC TT toàn trình đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: 0,25 điểm</li> <li>+ Dưới 80% DVC TT toàn trình đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: 0 điểm</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo liên quan của đơn vị (có thể lồng ghép trong báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC)</li> <li>- Kiểm tra số liệu trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ/tỉnh</li> <li>- Kết quả theo dõi, báo cáo số liệu của Trung tâm Công báo - Tin học thuộc Văn phòng UBND tỉnh (nếu có)</li> </ul>
4.1.2.2	<b>Tỷ lệ DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ DVC trực tuyến toàn trình (DVCTT mức 4) có phát sinh hồ sơ, cách tính tỷ lệ cụ thể như sau: <p>Tỷ lệ <math>a = x/y * 100\%</math>, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>x = Số DVC trực tuyến toàn trình (DVCTT mức 4) có phát sinh hồ sơ</li> </ul> </li> </ul>	- Các báo cáo liên quan của đơn vị (có thể lồng ghép trong báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC)



TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p><math>y</math> = Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình (DVCTT mức 4)</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Từ 50% DVC TT toàn trình trở lên: 1 điểm</p> <p>+ Dưới 50% DVC TT toàn trình thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> <p><math>a \cdot 1/100\%</math>, trong đó <math>a</math> là tỷ lệ % đạt được</p>	<p>- Kiểm tra số liệu trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ/tỉnh</p> <p>- Kết quả theo dõi, báo cáo số liệu của Trung tâm Công báo - Tin học thuộc Văn phòng UBND tỉnh (nếu có)</p>
4.1.2.3	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến toàn trình</b>	<p>- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến toàn trình (DVCTT mức 4), cách tính tỷ lệ cụ thể như sau:</p> <p>Tỷ lệ <math>a = x/y \cdot 100\%</math>, trong đó:</p> <p><math>x</math> = Số hồ sơ TTHC được xử lý qua DVC trực tuyến toàn trình (DVCTT mức 4)</p> <p><math>y</math> = Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận và giải quyết (cả trực tuyến và truyền thống) của DVC TT toàn trình (DVCTT mức 4)</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</p> <p>+ Dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> <p><math>a \cdot 1/100\%</math>, trong đó <math>a</math> là tỷ lệ % đạt được</p>	<p>- Các báo cáo liên quan của đơn vị (có thể lồng ghép trong báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC)</p> <p>- Kiểm tra số liệu trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ/tỉnh</p> <p>- Kết quả theo dõi, báo cáo số liệu của Trung tâm Công báo - Tin học thuộc Văn phòng UBND tỉnh (nếu có)</p>
<b>4.2</b>	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO 9001) theo quy định</b>		
4.2.1	<b>Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện chế độ báo cáo, thực hiện các nhiệm vụ được yêu cầu về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015</b>	<p>Yêu cầu: Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng áp dụng ISO 9001 tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc phải bám sát nội dung, thời gian văn bản chỉ đạo của cơ quan trung ương theo ngành dọc, các văn bản của tỉnh và lộ trình xây dựng và áp dụng tại cơ quan, các đơn vị trực thuộc; Các báo cáo thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian quy định.</p> <p>Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời (tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc): 0,5</p> <p>+ Có thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0,25;</p>	<p>Các Kế hoạch, quyết định, công văn chỉ đạo, hướng dẫn</p> <p>- Các báo cáo theo quy định.</p>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		+ Không thực hiện: 0	
4.2.2	<b>Mức độ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị trực thuộc</b>	<p>Yêu cầu: Xác định tỷ lệ % đơn vị trực thuộc áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 đạt 80% tổng điểm tiêu chí 4.2 – Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC các cơ quan Trung ương (không tính điểm tiêu chí 4.2.2) trên tổng số đơn vị trực thuộc.</p> <p>Cách thức chấm điểm:</p> <p>Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ 80% - 100% đơn vị đạt 80% tổng điểm tiêu chí 4.2 (không tính điểm tiêu chí 4.2.2) - Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC cơ quan trung ương: 0,5</p> <p>+ 50% - &lt; 80% đơn vị đạt 80% tổng điểm tiêu chí 4.2 (không tính điểm tiêu chí 4.2.2) - Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC cơ quan trung ương: 0,25</p> <p>+ Dưới 50% đơn vị đạt 80% tổng điểm tiêu chí 4.2 (không tính điểm tiêu chí 4.2.2) - Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC cơ quan trung ương: 0</p>	<p>- Kết quả các cơ quan Trung ương chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính tại các đơn vị trực thuộc theo tiêu chí 4.2 -Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC các cơ quan Trung ương (trừ tiêu chí thành phần 4.2.2)</p> <p>- Kết quả tự đánh giá xác định chỉ số CCHC theo tiêu chí 4.2 – Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC các cơ quan Trung ương của các đơn vị trực thuộc (trừ tiêu chí thành phần 4.2.2)</p>
4.2.3	<b>Ban hành, áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp tại đơn vị (không liên quan đến giải quyết TTHC)</b>	<p>Yêu cầu: Thực hiện việc xây dựng, ban hành và áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp (không liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính) tại cơ quan/đơn vị:</p> <p>Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Ban hành áp dụng từ 5 quy trình trở lên: 0,5 điểm;</p> <p>+ Ban hành, áp dụng từ 3 đến dưới 5 quy trình: 0,25 điểm;</p> <p>+ Ban hành áp dụng dưới 3 quy trình: 0 điểm.</p> <p style="text-align: center;">   Danh mục QTNB </p> <p><i>Danh mục QT Sở KH&amp;CN gợi ý các cơ quan xây dựng:</i></p>	<p>- Các Quyết định ban hành quy trình (trong đó có bao gồm các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp) đang được áp dụng tại cơ quan;</p> <p>Các quy trình;</p> <p>- Quyết định công bố hệ thống.</p>
4.2.4	<b>Đánh giá mức độ áp dụng các quy trình nội</b>	<p>Yêu cầu: Thực tế áp dụng phải tuân thủ hoàn toàn quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn, điều hành tác nghiệp và các quy trình/hướng</p>	<p>- Các hồ sơ, tài liệu thể hiện quá trình áp dụng</p>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	<b>bộ giải quyết công việc chuyên môn, điều hành tác nghiệp và quy trình / hướng dẫn hệ thống tại đơn vị (thông qua bốc mẫu hồ sơ tại chỗ)</b>	<p>đẫn hệ thống đã ban hành, áp dụng. Xác định tỷ lệ % số hồ sơ, tài liệu thể hiện quá trình thực hiện đã tuân thủ hoàn toàn với quy trình thông qua bốc mẫu hồ sơ, tài liệu tại cơ quan.</p> <p>Cách thức chấm điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tuân thủ hoàn toàn theo quy trình/ hướng dẫn đã ban hành 1,0 điểm;</li> <li>+ Đáp ứng từ 80% đến dưới 100% theo quy trình/ hướng dẫn đã ban hành: 0,75 điểm;</li> <li>+ Đáp ứng từ 60% đến dưới 80% theo quy trình/ hướng dẫn đã ban hành: 0,5 điểm;</li> <li>+ Đáp ứng dưới 60% quy trình/ hướng dẫn đã ban hành: 0 điểm</li> </ul>	<p>quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hồ sơ, tài liệu thể hiện quá trình thực hiện theo các quy trình/ hướng dẫn hệ thống (Kiểm soát thông tin dạng văn bản, kiểm soát rủi ro cơ hội, đánh giá nội bộ, kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục).</li> </ul>
4.2.5	<b>Đánh giá mức độ áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (thông qua kết quả theo dõi trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến (nếu có), các quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của ngành; thực hiện bốc mẫu hồ sơ tại chỗ và ở các đơn vị trực thuộc).</b>	<p>Yêu cầu: Thực tế áp dụng phải tuân thủ hoàn toàn quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố áp dụng. Xác định tỷ lệ % số hồ sơ đã giải quyết tuân thủ hoàn toàn với quy trình dựa trên kết quả theo dõi trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến (nếu có)/ các quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của ngành; thực hiện bốc mẫu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại chỗ và tại các đơn vị trực thuộc.</p> <p>Cách thức chấm điểm:</p> <p>Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tuân thủ hoàn toàn theo quy trình đã công bố 1,5 điểm;</li> <li>+ Đáp ứng từ 90% đến dưới 100% theo quy trình đã công bố: 1,0 điểm;</li> <li>+ Đáp ứng từ 80% đến dưới 90% theo quy trình đã công bố: 0,75 điểm;</li> <li>+ Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% theo quy trình đã công bố: 0,5 điểm;</li> <li>+ Đáp ứng dưới 70% theo quy trình đã công bố : 0 điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết tại cơ quan, đơn vị trực thuộc.</li> <li>- Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tương ứng với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được bốc mẫu.</li> </ul>
4.2.6	<b>Việc sắp xếp và lưu trữ tài liệu hồ sơ theo quy định (Thông qua bốc mẫu hồ sơ tại các phòng, bộ phận để</b>	<p>Yêu cầu: Tài liệu, hồ sơ phải được sắp xếp lưu trữ tuân thủ Quy trình/ Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản đảm bảo được nhận biết và lập danh mục hồ sơ, sắp xếp lưu trữ đảm bảo dễ tìm, dễ lấy, dễ thấy, dễ kiểm tra và đảm bảo tính đồng nhất về phương pháp sắp xếp, nhãn mác cặp, phai, mẫu mã cặp, phải phân định loại hồ sơ, bộ phận quản lý; Hồ sơ sau khi hết</p>	<p>Kết quả kiểm tra thực tế việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại các phòng, bộ phận và các cặp file tài</p>

TC/TCTP	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	<b>đánh giá)</b>	<p>hạn lưu phải được hủy hoặc chuyển về kho lưu trữ.</p> <p>Cách thức chấm điểm:</p> <p>Xác định tỷ lệ % hồ sơ, tài liệu được lập danh mục hồ sơ, danh mục tài liệu thông qua bốc mẫu cặp file tài liệu, hồ sơ (tại chỗ và tại các đơn vị trực thuộc) để chấm điểm:</p> <p>+ Đảm bảo từ 90% tài liệu, hồ sơ trở lên sắp xếp lưu trữ theo quy định: 0,5 điểm;</p> <p>+ Đảm bảo từ 70% đến dưới 90% tài liệu, hồ sơ được sắp xếp, lưu trữ theo quy định: 0,25 điểm;</p> <p>+ Dưới 70% tài liệu, hồ sơ được sắp xếp, lưu trữ theo quy định: 0 điểm</p>	liệu, hồ sơ được bốc mẫu.
4.2.7	<b>Việc thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và khắc phục sau đánh giá</b>	<p>Yêu cầu: Tuân thủ Quy trình/ Hướng dẫn đánh giá nội bộ, đánh giá đúng chu kỳ đánh giá nội bộ của đơn vị, thực hiện hành động khắc phục điểm không phù hợp, điểm khuyến nghị sau thời điểm đánh giá không quá 20 ngày làm việc; lưu trữ hồ sơ đánh giá, hồ sơ khắc phục đầy đủ.</p> <p>Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Có thực hiện tuân thủ đúng quy trình / hướng dẫn (có hồ sơ kiểm chứng): 0,5;</p> <p>+ Có thực hiện nhưng chưa tuân thủ đúng quy trình / hướng dẫn (có hồ sơ kiểm chứng): 0,25;</p> <p>+ Không thực hiện: 0</p>	Hồ sơ đánh giá nội bộ; hồ sơ khắc phục (nếu có); Quy trình/Hướng dẫn đánh giá nội bộ, Quy trình /Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục.